

Bản án số: 26/2024/HS-PT
Ngày 11-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang.

Các Thẩm phán: Ông Phan Ngọc Minh.

Bà Hoàng Thị Mai Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đại Nghĩa, bà Hoàng Thị Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa trực tuyến xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 35/2023/TLPT-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023 do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 149/2023/HS-ST ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Nguyễn Duy N, sinh ngày 21/4/1998 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy N1 và bà Nguyễn Thị Kim C; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/6/2022, đến ngày 16/7/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

Bị cáo bị kháng nghị:

2. Nguyễn Hữu Đ (Tên gọi khác: Chó Con), sinh ngày 28/12/2000 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ I, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thiên N2 và bà Đinh Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 11/7/2022, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 28/2022/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/6/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

3. Nguyễn Quốc C1, sinh ngày 28/12/2002 tại tỉnh Quảng Ngãi; HKTT: Tổ A, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, nơi cư trú: Tổ A, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T1 và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/6/2022 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

4. Võ Minh N3, sinh ngày 20/4/2001 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T2 và bà Nguyễn Thị T3; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/7/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” tại Bản án số 44/2022/HS-ST.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/7/2021 đến ngày 05/02/2022 hủy bỏ biện pháp tạm giam. Bị bắt tạm giam lại ngày 05/02/2022. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam K3, tỉnh Bình Định; có mặt.

5. Nguyễn Văn T4, sinh ngày 09/6/1995 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Dịch vụ âm nhạc; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T5 và bà Mai Thị V; có vợ là Lê Thị Minh H1; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/6/2022, đến ngày 11/11/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Bị bắt tạm giam lại tại phiên tòa sơ thẩm (ngày 25/10/2023).

6. Trần Trung N4, sinh ngày 20/11/1992, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn E, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lái xe; nơi cư trú hiện nay: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh H2 và bà Cao Thị L; có vợ là Lê Thị Thu H3; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/6/2022 đến ngày 11/11/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Bị bắt tạm giam lại tại phiên tòa sơ thẩm (ngày 25/10/2023).

7. Lê Thanh B, sinh ngày 15/11/1999 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T6 và bà Trần Thị Kim P; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 08/9/2023, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Giết người” tại Bản án số 65/2023/HS-ST.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/3/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q.

8. Trương Triều V1, sinh ngày 30/8/2003 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ C, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn D và bà Lê Thị Thúy H4; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/6/2022, đến ngày 25/10/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

9. Phạm Văn Đ1, sinh ngày 28/12/2002, tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ C, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T7 và bà Nguyễn Thị Thu H5; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/6/2022, đến ngày 14/10/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Bị bắt tạm giam lại tại phiên tòa sơ thẩm (ngày 25/10/2023).

10. Cao Bùi Thanh K, sinh ngày 28/7/1995 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ C, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Thanh L1 và bà Bùi Thị Kim A; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/6/2022, đến ngày 02/11/2022 thay đổi biện pháp cho bảo lãnh. Bị bắt tạm giam lại tại phiên tòa sơ thẩm (ngày 25/10/2023).

11. Lê Bá H6, sinh ngày 22/11/2002 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ F, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Phụ bếp; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê H7 và bà Nguyễn Thị C2; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 26/6/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Huỳnh Đức T8, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

2. Anh Nguyễn Đức H8, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ F, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Anh Mai Văn T9, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ F, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

4. Anh Ngô Duy Phước T10, sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ C, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Anh Võ Minh Q, sinh ngày 09/09/2005; địa chỉ: Xóm B, Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Chị Nguyễn Thị Hà G, sinh năm 2002; nơi cư trú: Thôn Đ, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai.
 7. Anh Nguyễn P1, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
 8. Anh Bùi Thanh T11, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.
 9. Chị Đinh Trúc K1, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.
 10. Chị Trịnh Quỳnh N5, sinh ngày 07/3/2003; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
 11. Chị Nguyễn Ngọc Phương V2, sinh ngày 17/5/2003; địa chỉ: Ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Long An.
 12. Chị Võ Thị Thanh T12, sinh năm 2002; địa chỉ: Thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.
 13. Anh Nguyễn Ngọc V3, sinh năm 1991, địa chỉ: Tổ D, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
 14. Anh Lương Hữu H9, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.
 15. Anh Võ Thành N6, sinh năm 1992, trú tại: Tổ E, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.
 16. Anh Nguyễn Phi P2, sinh năm 1997, địa chỉ: thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.
 17. Chị Kiều Thị Mỹ V4 (D1), sinh năm 2001; địa chỉ: Ấp G, X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.
 18. Chị Nguyễn Thanh X, sinh năm 2003; địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang.
 19. Chị Đỗ Hoàng Ngọc N7, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.
 20. Chị Nguyễn Thị Thu H10, sinh năm 2001; địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên - Huế.
 21. Chị Hà Kim T13, sinh năm 2003; địa chỉ: Ấp C, xã M huyện D, tỉnh Bình Dương.
- Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/4/2021, ông Nguyễn L2 (sinh năm 1959; nơi cư trú: Tổ G, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) cho ông Ngô Thanh S (sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) thuê Nhà nghỉ P3 (Tổ G, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) để kinh doanh (Hợp đồng thuê nhà số H) với giá tiền 20.000.000 đồng/tháng. Cuối tháng 4 năm 2021, do có mối quan hệ họ hàng với Võ Minh N3 nên ông Ngô Thanh S giao lại Nhà nghỉ Phúc Thiện 1 cho Võ Minh N3 tự kinh doanh và trả tiền thuê nhà, nhưng chỉ nói miệng không có giấy tờ bàn giao.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, việc kinh doanh nhà nghỉ không đạt hiệu quả nên từ tháng 6 năm 2021, Võ Minh N3 nảy sinh ý định cho người khác thuê phòng sử dụng ma túy và nghe nhạc (“bay lắc”) rồi tự thiết kế và trang bị nhiều loa, đèn, đĩa sủ, thẻ card nhựa cho 05 phòng gồm: 501, 502, 503, 602 và 603 làm thành phòng cho thuê sử dụng ma túy (“bay lắc”). Từ ngày 08/6/2021 đến ngày 09/7/2021, Võ Minh N3 nhiều lần cho người khác thuê phòng sử dụng ma túy với giá tiền từ 1.500.000 đồng/lần đến 2.000.000 đồng/lần.

Vào khoảng 03 giờ 00 phút, ngày 09/7/2021, Công an thành phố Q phối hợp Công an tỉnh Q kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang đối tượng Võ Minh N3 và Võ Minh Q (sinh ngày: 09/9/2005; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi) về hành vi “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” tại nhà nghỉ P3, thuộc tổ G, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Kiểm tra, phát hiện tại nhà nghỉ P3 có 36 đối tượng ở 04 phòng (Phòng 501, 502, 503 và 603) đang tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Cụ thể hành vi phạm tội như sau:

1. Hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy: Vào tối ngày 08/7/2021 rạng sáng ngày 09/7/2021, Võ Minh N3 cho các đối tượng Nguyễn Ngọc V3, Lương Hữu H9, Võ Thành N6, Đỗ Hoàng Ngọc N7, Kiều Thị Mỹ V4, Nguyễn Thanh X, Nguyễn Phi P2 thuê phòng số 501; cho các đối tượng Trần Trung N4, Nguyễn Văn T4, Lê Thanh B, Trần Thị Huỳnh N8, Bùi Thị H11, Võ Thị Cẩm H12, Nguyễn Thị Ngọc D2 thuê phòng số 502; cho các đối tượng Trương Triều V1, Cao Bùi Thanh K, Lê Bá H6, Phạm Văn Đ1, Đinh Thị G1, Nguyễn Thị Kim T14, Nguyễn Thị Thu H10, Hà Kim T13 thuê phòng số 503; cho các đối tượng Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Quốc C1, Nguyễn Đức H8, Nguyễn P1, Ngô Duy Phước T10, Bùi Thanh T11, Nguyễn Duy N, Mai Văn T9, Đinh Trúc K1, Huỳnh Đức T8, Nguyễn Ngọc Phương V2, Võ Thị Thanh T12, Trịnh Quỳnh N5, Nguyễn Thị Hà G thuê phòng số 603 để sử dụng ma túy (“bay lắc”) với giá tiền 1.500.000 đồng/phòng. Đến khoảng 03 giờ ngày 09/7/2021, Công an thành phố Q phối hợp Công an tỉnh Q tiến hành kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang Võ Minh N3 và Võ Minh Q về hành vi “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”, thu giữ nhiều đồ vật, tài liệu có liên quan.

Qua mở rộng điều tra, từ ngày 08/6/2021 đến ngày 09/7/2021, Võ Minh N3 cho người khác thuê phòng sử dụng ma túy 76 lần, với giá tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng mỗi lần, thu lợi số tiền 150.000.000 đồng.

2. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 502:

Khoảng 23 giờ, ngày 08/7/2021, Nguyễn Văn T4 đến chỗ trọ của Trần Thị Huỳnh N8 (sinh ngày: 08/8/1996; nơi cư trú: ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng), Bùi Thị H11 (sinh ngày: 28/02/1994, nơi cư trú: thị trấn L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) để chơi. Tại đây, T4 nảy sinh ý định sử dụng ma túy nên rủ N8, H11 đi cùng để “tiếp bay” (nghĩa là cùng nghe nhạc và sử dụng ma túy); đồng thời, rủ Lê Thanh B, Trần Trung N4 đến nhà nghỉ P3 1 thuê phòng sử dụng ma túy (“bay lắc”).

Sau đó, T4, B, N4, N8, H11 cùng đi đến nhà nghỉ P3. Như gọi cửa rồi được Võ Minh N3 cho cả nhóm thuê phòng 502. Tại gần cửa ra vào của nhà

nghi P3, T4 được 01 đối tượng (chưa rõ nhân thân lai lịch) mời chào mua ma túy. T4 nói với đối tượng này “lấy cho khoảng 07 người chơi” rồi đi lên phòng 502. Một lúc sau, đối tượng bán ma túy lên phía trước phòng 502 gọi T4 ra rồi đưa 4 viên ma túy “keo” (MDMA), 02 chắm ma túy “khay” (ketamine) và nói giá tiền là 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Tại phòng 502, T4 nói Lê Thanh B góp cho T4 số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng), T4 góp số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và đưa số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) của T4 và B góp cho người bán ma túy rồi nói “có gì xiu nữa tính” (nghĩa là khi nào nhóm người của T4 tổ chức sử dụng ma túy xong sẽ thanh toán tiền mua ma túy sau) thì người này đồng ý.

Khi Trần Trung N4 đứng trước phòng 502 có gặp Nguyễn Thị Ngọc D2 (là gái tiếp bay, sinh ngày: 26/3/1996; nơi cư trú: Tổ F, phường C, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) và có nói chuyện với D2 vì quen biết từ trước. Sau đó, N4 sử dụng số điện thoại 0359115252 liên hệ với D2 và gọi D2 đến phòng 502 “tiếp bay”, D2 đồng ý rồi đến phòng 502 “tiếp bay” cho N4. Do B cũng cần người “tiếp bay”, N4 nói với D2 gọi thêm một bạn gái khác đến “tiếp bay”. D2 dùng tài khoản messenger tên “Phúc Kim” nhắn tin liên hệ qua ứng dụng messenger với tài khoản tên “Hương Võ” của Võ Thị Cẩm H12 (sinh ngày: 15/02/1999; nơi cư trú: khu phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang) nói H12 đến “tiếp bay” cho nhóm của N4 thì H12 đồng ý.

Đến khoảng hơn 03 giờ, ngày 09/7/2021, trong lúc B, T4, N4, D2, H12, Như, H11 đang sử dụng ma túy “khay”, ma túy “keo” và nghe nhạc thì Võ Minh N3 thông báo có Công an kiểm tra nên cả nhóm đi ra khỏi phòng để N3 và Võ Minh Q dọn dẹp dụng cụ sử dụng ma túy, loa, đèn, nước uống mang xuống phòng 201 cất giấu. Sau đó, lực lượng Công an vào kiểm tra, yêu cầu các đối tượng quay lại phòng 502 và phát hiện, tạm giữ các tài sản, đồ vật liên quan.

3. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 503:

Vào tối ngày 08/7/2021, Trương Triều V1, Phạm Văn Đ1, Lê Bá H6 nhậu tại nhà dựng của Đ1 ở tổ C, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Trong lúc nhậu, Trương Triều V1 nói với Đ1, H6 là mới thi đại học xong, rủ mọi người đi sử dụng ma túy cho biết, Đ1 và H6 đồng ý. Sau đó, Phạm Văn Đ1 gọi cho Cao Bùi Thanh K đến nhậu cùng; tại cuộc nhậu, Đ1 rủ K cùng đi “chơi” (đi sử dụng ma túy) thì K đồng ý.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, V1, Đ1, K, H6 đi trên 02 xe mô tô đến cây xăng T17 thuộc phường N, thành phố Q đổ xăng. Tại đây, Đ1 dùng điện thoại của mình điện thoại cho một người tên A (không rõ nhân thân lai lịch, là bạn bè ngoài xã hội của Đ1) để hỏi chỗ mua ma túy, đối tượng A cho Đ1 số điện thoại của người bán ma túy tên H13 (không rõ nhân thân lai lịch, không nhớ số điện thoại). Do điện thoại của mình hết tiền, Đ1 mượn điện thoại của K gọi điện thoại cho đối tượng H13 mua 04 (bốn) viên ma túy “keo” và 04 (bốn) chắm ma túy “khay” với giá 6.000.000 đồng; đối tượng H13 cũng chỉ cho Đ1 đến nhà nghỉ P3 để thuê phòng sử dụng ma túy với ám hiệu khi thuê phòng là “em anh Đ2”.

Sau khi thỏa thuận xong với đối tượng H13, Đ1 nói giá tiền mua ma túy cho V1, H6, K biết và đề nghị góp mỗi người 1.500.000 đồng để mua ma túy thì K, V1, H6 đồng ý và góp tiền cho Đ1 để mua ma túy tại cây xăng T, rồi cả

nhóm cùng đến nhà nghỉ P3. Đến nơi, Đ1 gọi cửa và nói ám hiệu “em anh Đ2” thì được Võ Minh N3 mở cửa, dẫn vào trong. N3 dẫn nhóm của Đ1 lên phòng 201 để lấy loa, đèn, đĩa sứ, thẻ card mang lên phòng 503 để lắp. Tại phòng 503, K dùng tài khoản messenger tên “Cao Bùi Thanh K” nhắn tin, liên hệ với tài khoản messenger tên “Thùy Anna” của Hà Kim T13 để gọi T13 và nhờ T13 gọi thêm 03 người nữa đến nhà nghỉ P3 1 “tiếp bay” cho nhóm của K. Thùy liên lạc với Đinh Thị G1, Nguyễn Thị Thu H10, Nguyễn Thị Kim T14 rồi cùng nhau đến nhà nghỉ P3 1 “tiếp bay” cho nhóm của K.

Một lúc sau, đối tượng H13 đến trước phòng 503 gặp Đ1 để giao ma túy và lấy 6.200.000 đồng. Do không đủ tiền nên Đ1 lấy thêm số tiền 200.000 đồng từ chỗ K để trả cho đối tượng H13. Sau đó, K chia nhỏ ma túy “kẹo” rồi đưa cho mọi người trong phòng sử dụng; đối tượng Nguyễn Thị Thu H10 “xào” ma túy “khay” trong đĩa sứ rồi kẻ thành đường nhỏ để cho những đối tượng khác tự lấy sử dụng. Đến khoảng 03 giờ ngày 09/7/2021, trong lúc các đối tượng đang sử dụng ma túy thì Võ Minh N3 thông báo có Công an kiểm tra nên cả nhóm đi ra khỏi phòng để N3 cùng Võ Minh Q dọn dẹp phòng 503. Sau đó, lực lượng Công an vào kiểm tra, yêu cầu các đối tượng quay lại phòng 503 và tạm giữ các đồ vật, tài liệu có liên quan.

4. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 603:

Vào tối ngày 08/7/2021, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Duy N, Nguyễn Quốc C1, Huỳnh Đức T8 (sinh ngày: 25/3/1998; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi), Mai Văn T9 (sinh ngày: 24/4/1999; nơi cư trú: Tổ F, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi), Nguyễn Đức H8 (sinh ngày: 19/6/1999; nơi cư trú: Tổ F, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi), Ngô Duy Phước T10 (sinh ngày: 02/9/1999; nơi cư trú: Tổ C, Phường L, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) nhậu ở gần nhà T9. Trong lúc nhậu, có người nói “Nhậu xong đi “bay” (Nghĩa là đi sử dụng ma túy)”. Nghe vậy, Nguyễn Hữu Đ nảy sinh ý định sử dụng ma túy. Do Đ biết N và C1 đã từng sử dụng ma túy nên rủ 02 người này cùng đi thì N và C1 đều đồng ý. C1 có nói với Đ là sẽ gọi thêm gái “tiếp bay”. Sau đó, Nguyễn Hữu Đ sử dụng điện thoại của mình có gắn thẻ sim số 0788571070 gọi điện liên hệ với đối tượng H14 (Không rõ nhân thân lai lịch, là bạn bè xã hội, Đ lưu số điện thoại của đối tượng H14 trong danh bạ điện thoại tên “Hải BThuong”) qua số điện thoại 0927092939 nhờ đối tượng H14 mua giúp số lượng ma túy cho khoảng 6-7 người chơi và được H14 cho biết số tiền để mua số ma túy là 3.600.000 đồng. Đ hỏi C1 và N còn tiền không và yêu cầu góp tiền mua ma túy. Lúc này, Nguyễn Duy N góp số tiền 1.000.000 đồng, Nguyễn Quốc C1 góp số tiền 2.800.000 đồng đưa cho Đ để trả tiền mua ma túy.

Khi nhậu gần xong, Đ có nói với C1 và N là đến nhà nghỉ P3 để lấy phòng trước. Các đối tượng Huỳnh Đức T8, Mai Văn T9, Nguyễn Đức H8, Ngô Duy Phước T10 khi nhậu có nghe ai đó nói về việc nhậu xong sẽ đi sử dụng ma túy và nghe đến nhà nghỉ P3. Do có nhu cầu sử dụng ma túy, nên sau khi nhậu xong T8 đi cùng với N, H8 đi cùng với T10, T9 đi cùng với C1 đến nhà nghỉ P3.

Khi đến nhà nghỉ P3, Đ gọi Võ Minh N3 mở cửa và lấy phòng 603. Khi Đ vừa nhận phòng xong thì N, T8, H8, T10, C1, T9 cũng đến. Tại nhà nghỉ P3, đối tượng Nguyễn P1 (sinh ngày: 07/6/1991, nơi cư trú: thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh

Quảng Ngãi) do quen biết với H8 nên P1 xin nhóm của Đ cho mình cùng sử dụng ma túy (“bay lắc”) thì nhóm của Đ không ai nói gì, nên P1 cũng đi theo lên nhà nghỉ P3. Võ Minh Q mang loa, đèn, đĩa sứ, thẻ card, nước uống vào phòng 603 phục vụ nhóm của Đ sử dụng ma túy. Lúc này, Nguyễn Quốc C1 dùng ứng dụng messenger trong điện thoại của mình tên “Cường N9” liên hệ với messenger “Giangg Giangg” của Nguyễn Thị Hà G (là gái “tiếp bay”, sinh ngày: 29/6/2002, nơi cư trú: thôn Đ, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai) nhờ đối tượng G gọi thêm 04 gái “tiếp bay” đến phòng 603 nhà nghỉ P3 phục vụ nhóm người của mình. Đối tượng G đồng ý rồi liên hệ với các đối tượng Võ Thị Thanh T12 (sinh ngày: 28/10/2002, nơi cư trú: thị trấn T, huyện H, tỉnh B), Nguyễn Ngọc Phương V2 (sinh ngày: 17/5/2003; nơi cư trú: ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Long An), Trịnh Quỳnh N5 (sinh ngày: 07/3/2003, nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông), Đinh Trúc K1 (sinh ngày: 07/11/2002; nơi cư trú: thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng) rồi cùng đi đến phòng 603. Tiếp đó, có một người không rõ nhân thân lai lịch (là người bán ma túy do đối tượng “Hải B1” liên hệ giúp bị cáo Đ) điện thoại cho Đ (Đ không nhớ rõ số điện thoại) nói ra phía trước nhà nghỉ P3 lấy ma túy với số lượng 05 viên ma túy “keo” và một chাম ma túy “khay” với giá tiền 3.600.000 đồng, nhưng Đ đưa hết số tiền 3.800.000 đồng do N và C1 góp trước đó. Đ mang ma túy vào phòng 603 cho cả nhóm cùng sử dụng. Trong lúc cả nhóm sử dụng ma túy, N dùng ứng dụng Zalo nhờ Bùi Thanh T11 (sinh ngày: 06/9/1988; nơi cư trú: thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi) đến nhà nghỉ P3 1 chở mình về. T11 đồng ý rồi đi đến phòng 603 nhà nghỉ P3. Khi đến nơi, T11 thấy các đối tượng trong phòng 603 sử dụng ma túy nên T11 tự lấy ma túy sử dụng. Tại phòng, N, C1 và các đối tượng T8, T9, H8, P1, T11, T10, G, V2, T12, K1, Như đều sử dụng ma túy, riêng Nguyễn Hữu Đ chưa kịp sử dụng.

Khoảng hơn 03 giờ, ngày 09/7/2021, Võ Minh N3 thông báo có Công an kiểm tra nên cả nhóm đi ra khỏi phòng để N3 và Võ Minh Q dọn dẹp dụng cụ sử dụng ma túy, loa, đèn, nước uống mang xuống phòng 201 cất giấu. Sau đó, lực lượng Công an vào kiểm tra, yêu cầu các đối tượng quay lại phòng 603 và phát hiện, tạm giữ các tài sản, đồ vật liên quan.

** Kết luận giám định:*

+ Tại Kết luận giám định số 641/KLGD-PC09, ngày 15/7/2021 của Phòng K4 Công an tỉnh Q kết luận: Chất rắn dạng hạt tinh thể màu trắng bên trong phong bì gửi giám định là ma túy; loại Ketamine; khối lượng: 0,33 gam.

+ Tại Kết luận giám định số 727/KLGD-PC09, ngày 18/8/2021 của Phòng K4 Công an tỉnh Q kết luận: Chất rắn dạng bột màu trắng và màu xanh bám dính trên 04 đĩa sứ màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Ketamine. Trong đó, 03 đĩa bám dính chất ma túy ở dạng vết nên không cân khối lượng; 01 đĩa còn lại bám dính chất ma túy, loại Ketamine có khối lượng: 0,91 gam.

Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 35, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Ngoài ra, tại thời điểm kiểm tra nhà nghỉ P3, phát hiện tại phòng 501 có 07 đối tượng, qua điều tra xác định: Khoảng hơn 01 giờ, ngày 09/7/2021, Nguyễn Ngọc V3 (sinh ngày 06/5/1991, trú tại: Tổ D, phường Q, thành phố Q,

tỉnh Quảng Ngãi), Lương Hữu H9 (sinh ngày 15/8/1993; trú tại: thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi), Võ Thành N6 (sinh ngày 18/11/1992, trú tại: Tổ E, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi), Nguyễn Phi P2 (sinh ngày 03/12/1997, trú tại: thôn L, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi) đi chơi cùng nhau rồi rủ nhau đến nhà nghỉ P3 1 thuê phòng sử dụng ma túy “bay lắc”, mọi người đều đồng ý. Khi cả nhóm đi đến nhà nghỉ P3, V3 gọi cửa thì được Võ Minh N3 mở cửa rồi đồng ý cho nhóm của V3 thuê phòng 501. Tại phòng 501, Võ Thành N6 liên lạc với Đỗ Hoàng Ngọc N7 (sinh ngày 12/10/2000; trú tại: xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi - là người làm “Tiếp bay”) rồi nhờ N7 gọi thêm hai người nữa đến phòng 501 để “tiếp bay” cho nhóm của N6. N7 đồng ý rồi liên lạc, gọi thêm Nguyễn Thanh X (sinh ngày: 23/12/2003, nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang) và Kiều Thị Mỹ V4 (sinh ngày: 15/10/2001; nơi cư trú: Ấp G, xã A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang) cùng đi đến nhà nghỉ P3 1 phục vụ cho nhóm của N6. Lúc này, nhóm của Võ Thành N6 đang tìm cách liên lạc mua ma túy để sử dụng nhưng chưa kịp mua ma túy thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra, phát hiện và tạm giữ các tài sản, đồ vật liên quan.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 149/2023/HS-ST ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Tuyên bố: Bị cáo Võ Minh N3 phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Các bị cáo Nguyễn Văn T4, Trần Trung N4, Lê Thanh B, Phạm Văn Đ1, Trương Triều V1, Cao Bùi Thanh K, Lê Bá H6, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Quốc C1, Nguyễn Duy N phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ vào điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Võ Minh N3 08 (tám) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 44/2022/HS-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, buộc bị cáo Võ Minh N3 phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2021.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh B 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 65/2023/HS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về tội “*Giết người*”, buộc bị cáo Lê Thanh B phải chấp hành hình phạt chung là 11 (mười một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/3/2022.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu Đ 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù tại Bản án số 28/2022/HS-ST ngày

11/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về tội “Cố ý gây thương tích”, buộc bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/6/2022, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/6/2020 đến ngày 17/01/2021.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T4 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo tại phiên tòa (ngày 25/10/2023), được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ 26/6/2022 đến ngày 11/11/2022.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Quốc C1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/6/2022.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Lê Bá H6 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/6/2022.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Trần Trung N4 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo tại phiên tòa (ngày 25/10/2023), nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/6/2022 đến ngày 11/11/2022.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Cao Bùi Thanh K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo tại phiên tòa (ngày 25/10/2023), nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/6/2022 đến ngày 02/11/2022.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, v khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn Đ1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo tại phiên tòa (ngày 25/10/2023), nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/6/2022 đến ngày 14/10/2022.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy N 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/6/2022 đến ngày 16/7/2022.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 101, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Trương Triều V1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/6/2022 đến ngày 25/10/2022

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 31/10/2023, bị cáo Nguyễn Duy N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 24/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi kháng nghị toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 149/2023/HS-ST ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi để điều tra lại theo thủ tục chung do có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Duy N giữ nguyên nội dung kháng cáo.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết vụ án:*

Vụ án có dấu hiệu bỏ lọt ở phòng 603, các đối tượng: Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Duy N, Nguyễn Quốc C1, Huỳnh Đức T8, Mai Văn T9, Nguyễn Đức H8, Ngô Duy Phước T10 cũng thống nhất cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, khi có người khởi xướng tìm địa điểm và góp tiền mua ma túy thì cả nhóm thống nhất và hứa sẽ góp tiền để trả sau. Việc các đối tượng chưa góp được tiền là do lý do khách quan vì Công an bắt quả tang, ngoài ra bị cáo C1 còn rủ thêm các đối tượng là gái tiếp bay đến để phục vụ.

Trong quá trình xét xử sơ thẩm các bị cáo và các đối tượng thay đổi lời khai nhưng việc thay đổi lời khai là không có căn cứ vì ngay từ đầu ý chí của các bị cáo và các đối tượng là cùng nhau thống nhất tìm địa điểm, góp tiền mua ma túy, rủ rê người tham gia sử dụng trái phép chất ma túy.

Như vậy, hành vi của Huỳnh Đức T8, Mai Văn T9, Nguyễn Đức H8, Ngô Duy Phước T10 có dấu hiệu đồng phạm với các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Duy N, Nguyễn Quốc C1 về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Đối với phòng 501 thì nhóm của Nguyễn Ngọc V3, Võ Thành N6, Đỗ Hoàng Ngọc N7, Kiều Thị Mỹ V4, Lương Hữu H9, Nguyễn Thanh X, Nguyễn Phi P2 cấp sơ thẩm nhận định nhóm của V3 chưa sử dụng ma túy do chưa mua được ma túy nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tuy nhiên ban đầu các đối tượng đã thống nhất tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Các bị cáo đã thuê dụng cụ, loa đèn là các công cụ để sử dụng trái phép chất ma túy. Các đối tượng khai chưa sử dụng ma túy thì bị phát hiện, tuy nhiên các đối tượng đều dương tính với ma túy, hành vi của các đối tượng Nguyễn Ngọc V3, Lương Hữu H9, Võ Thành N6, Nguyễn Phi P2 đã cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ là chưa khách quan.

Xét thấy, cần hủy án để tiếp tục điều tra, xác minh tránh bỏ lọt người phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số: 149/2023/HS-ST ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi để điều tra lại theo thủ tục chung. Do đề nghị hủy án để điều tra lại nên đề nghị không xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi của các bị cáo:

Vào tối ngày 08/7/2021 rạng sáng ngày 09/7/2021, Võ Minh N3 cho 36 đối tượng thuê 04 phòng gồm các phòng 501, 502, 503 và 603 để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhằm mục đích thu lợi bất chính. Đến khoảng 03 giờ, ngày 09/7/2021, bị Công an thành phố Q tiến hành kiểm tra nhà nghỉ P3 phát hiện và bắt quả tang. Riêng phòng 501 thì các đối tượng chưa sử dụng ma túy do chưa mua được ma túy.

Tại phòng 502: Khoảng 23 giờ, ngày 08/7/2021, Nguyễn Văn T4 có nhu cầu sử dụng ma túy nên rủ các bị cáo Lê Thanh B, Trần Trung N4 đến nhà nghỉ P3 1 thuê phòng sử dụng ma túy (“bay lắc”). Ngoài ra, T4 rủ các đối tượng Trần Thị Huỳnh N8, Bùi Thị H11 đến nhà nghỉ P3 để tiếp bay cho nhóm của mình. Thương liên hệ mua ma túy của một đối tượng chưa rõ lai lịch tại gần cửa ra vào nhà nghỉ P3 với số lượng 04 viên ma túy “keo” (MDMA) và 02 chắm ma túy “khay” (ketamine) với giá tiền 4.000.000 đồng nhưng trả trước 2.000.000 đồng (trong đó B góp 1.000.000 đồng, T4 góp 1.000.000 đồng), dự định khi tổ chức sử dụng ma túy xong sẽ trả số tiền còn lại cho người bán ma túy. Trần Trung N4 dùng điện thoại của mình liên hệ với Nguyễn Thị Ngọc D2 gọi đến “tiếp bay” cho mình và nhờ D2 gọi thêm một bạn gái khác đến “tiếp bay” cho B. Tại phòng 502, các bị cáo Nguyễn Văn T4, Lê Thanh B, Trần Trung N4 và các đối tượng Trần Thị Huỳnh N8, Bùi Thị H11, Nguyễn Thị Ngọc D2, Võ Thị Cẩm H12 đều sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại phòng 503: Do mới thi xong đại học nên tối ngày 08/7/2021, trong lúc nhậu, Trương Triều V1 đã rủ Phạm Văn Đ1, Lê Bá H6 đi sử dụng ma túy. Sau đó, Phạm Văn Đ1 rủ thêm Cao Bùi Thanh K cùng đi sử dụng ma túy. Sau khi Đ1 liên lạc với người bán ma túy, V1, Đ1, H6, K mỗi người góp số tiền 1.500.000 đồng cho Đ1 tại cây xăng T17 để mua ma túy và đi đến Nhà nghỉ P3 để thuê phòng. Tại phòng 503, K nhắn tin, liên hệ với Hà Kim T13 để gọi T13 và nhờ T13 gọi thêm 03 người nữa đến nhà nghỉ P3 1 “tiếp bay” cho nhóm của K. Thùy đã liên lạc với Đinh Thị G1, Nguyễn Thị Thu H10, Nguyễn Thị Kim T14 rồi cùng nhau đến phòng 503, nhà nghỉ P3 “tiếp bay” cho nhóm của bị cáo K. Sau đó, có một đối tượng tên H13 đến trước phòng 503 gặp Đ1 để giao ma túy và lấy 6.200.000 đồng. Do không đủ tiền nên Đ1 lấy thêm số tiền 200.000 đồng từ chỗ K để trả cho đối tượng H13. Sau đó, K chia nhỏ ma túy “keo” rồi đưa cho mọi người trong phòng sử dụng, còn đối tượng Nguyễn Thị Thu H10 “xào” ma túy “khay” trong đĩa sứ rồi kẻ thành đường nhỏ để cho những đối tượng khác tự lấy sử dụng. Tại phòng 503, các bị cáo Trương Triều V1, Phạm Văn Đ1, Lê Bá H6, Cao Bùi Thanh K và các đối tượng Hà Kim T13, Đinh Thị G1, Nguyễn Thị Thu H10, Nguyễn Thị Kim T14 đều sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại phòng 603: Vào tối ngày 08/7/2021, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Duy N, Nguyễn Quốc C1, Huỳnh Đức T8, Mai Văn T9, Nguyễn Đức H8, Ngô Duy Phước T15 ở gần nhà T9. Trong lúc nhậu, có người nói “nhậu xong đi “bay” (nghĩa là đi sử dụng ma túy) nhưng không rõ ai nói. Nguyễn Hữu Đ vì có nhu

cầu sử dụng ma túy nên rủ Nguyễn Duy N, Nguyễn Quốc C1 cùng đi sử dụng ma túy thì N và C1 đồng ý. Đ liên hệ với đối tượng H14 (Không rõ nhân thân, lai lịch) nhờ mua ma túy với số lượng 05 viên ma túy “keo” và một chাম ma túy “khay” với giá tiền là 3.600.000 đồng. Nhật góp số tiền 1.000.000 đồng, C1 góp số tiền 2.800.000 đồng cho Đ để trả tiền mua ma túy. Sau đó, Đ nói với N và C1 đi đến nhà nghỉ P3 1 để đi “bay”. Huỳnh Đức T8, Mai Văn T9, Nguyễn Đức H8, Ngô Duy Phước T10 trong lúc ngồi nhậu, nghe được ai đó nói nhậu xong đến nhà nghỉ P3 để sử dụng ma túy thì thống nhất.

Tại trước nhà nghỉ P3, nhóm Đ gặp đối tượng Nguyễn P1 là người quen của H8 nên P1 xin nhóm của bị cáo Đ cho mình đi theo cùng sử dụng ma túy, mặc dù không thấy ai nói gì nhưng P1 vẫn đi theo lên phòng 603. Tại phòng 603, Nguyễn Quốc C1 liên lạc với Nguyễn Thị Hà G để gọi tiếp bay và nhờ G gọi thêm 04 gái “tiếp bay”, G đã gọi Võ Thị Thanh T12, Nguyễn Ngọc Phương V2, Trịnh Quỳnh N5, Đinh Trúc K1 đến phòng 603 nhà nghỉ P3 để “tiếp bay”. Đ lấy số ma túy đã mua vào phòng 603 cho cả nhóm cùng sử dụng. Nguyễn Duy N liên lạc với đối tượng Bùi Thanh T11 nhờ đến nhà nghỉ P3 chờ mình về. Khi T11 vào phòng 603 thấy ma túy để trên bàn nên cũng tự lấy ma túy sử dụng. Tại phòng 603, các bị cáo Nguyễn Duy N, Nguyễn Quốc C1 và các đối tượng Huỳnh Đức T8, Mai Văn T9, Nguyễn Đức H8, Ngô Duy Phước T10, Nguyễn P1, Bùi Thanh T11, Nguyễn Thị Hà G, Võ Thị Thanh T12, Nguyễn Ngọc Phương V2, Trịnh Quỳnh N5, Đinh Trúc K1 đều sử dụng trái phép chất ma túy, riêng bị cáo Đ ra ngoài gọi điện thoại chưa kịp sử dụng thì bị công an bắt quả tang.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo Trương Triều V1 khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi nhưng có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc chứa chấp và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Minh N3 về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, các bị cáo Nguyễn Văn T4, Trần Trung N4, Lê Thanh B, Phạm Văn Đ1, Trương Triều V1, Cao Bùi Thanh K, Lê Bá H6, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Quốc C1, Nguyễn Duy N về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Tại hồ sơ vụ án thể hiện các lời khai ban đầu của các bị cáo tại phòng 603 như sau:

Bị cáo Nguyễn Hữu Đ: Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/7/2021 (Bút lục số 1958, 1959), bị cáo Đ khai: “*Vào khoảng 24 giờ ngày 08/7/2021, tôi điều khiển xe mô tô đến via hệ thuộc khu vực gần trường Nguyễn Bình K2 cũ gặp và ăn nhậu với các bạn T9, T8, N, C1, H8, T10. Khi nhậu xong cả nhóm rủ nhau đi “Bay” (Tức là sử dụng ma túy và nghe nhạc) tại nhà nghỉ P3, đường H. Chúng tôi thống nhất cùng nhau góp tiền để đi “Bay”, ... , ... “Tôi, N, C1, H8, T9, T10, P1, T11 là những người sẽ góp tiền đi bay (trước đó bạn N, C1, đã góp tiền trước đó cho tôi). Khi nào bay xong thì các bạn còn lại sẽ góp tiền lại cho tôi để*

trả...”. Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/01/2022 (Bút lục số 1962, 1963), bị cáo Đ khai: “Vào tối ngày 08/7/2021, tôi đang nhậu cùng với C1, T8, T9, N, H8, T10 tại nhà T9 ở phường L thì cả nhóm rủ nhau tìm chỗ sử dụng ma túy bay lắc”.

Tại bản tự khai ngày 19/7/2021 (Bút lục 1973), bị cáo Đ khai: “Việc rủ rê đi bay lắc (tức là vừa sử dụng ma túy vừa nghe nhạc) tại phòng 603 nhà nghỉ P3 1 vào ngày 8/7/2021 và 9/7/2021 là do chúng tôi cùng nhau thống nhất cùng nhau rủ nhau chứ không ai ép buộc gì. Sau khi bay lắc xong thì mọi người trong phòng phải góp tiền trừ các em nữ không góp tiền. Tuy nhiên chưa bay lắc xong đã bị cơ quan Công an bắt giữ nên chỉ có bạn N và C1 góp tiền còn lại chưa ai góp”.

Bị cáo Nguyễn Quốc C1: Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/7/2021 (Bút lục số 2059, 2060), bị cáo C1 khai: “... Đến 23 giờ 30 cùng ngày Đ rủ tôi đi xuống nhà anh T9, có gặp anh H8, N và một người tôi không biết tên. Sau đó cả nhóm góp tiền lại vào để mua ma túy và thuê phòng bay,...Phần tôi có góp 2.800.000đồng, những người còn lại tôi không biết góp bao nhiêu tiền”. Biên bản hỏi cung ngày 26/6/2022 (Bút lục số 2067, 2068) C1 khai: “Ngồi nhậu được một lúc thì mọi người cùng nhau rủ đi nhà nghỉ P3 để bay lắc (sử dụng ma túy và nghe nhạc), tôi đồng ý đi và đưa cho Đ số tiền 2.800.000đồng để góp tiền mua ma túy và trả tiền phòng”.

Bị cáo Nguyễn Duy N: Tại biên bản ghi lời khai ngày 17/01/2022 (Bút lục số 2093, 2094), bị cáo N khai: “Trong cuộc nhậu tại nhà T9, khi có người khởi xướng tìm chỗ “Bay” (sử dụng ma túy và nghe nhạc) thì mọi người đều đồng ý tham gia. Mọi người thống nhất đi “Bay” xong hết bao nhiêu tiền sẽ chia đều. Đ nói với mọi người là có chỗ quen đặt phòng chơi, mọi người có bao nhiêu tiền thì góp trước còn lại mai tính sau. Tôi đưa số tiền 1.000.000đồng góp cho Đ để thuê phòng bay và mua ma túy, còn người khác góp bao nhiêu thì tôi không biết”.

Lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sử dụng ma túy ở phòng 603:

Anh Mai Văn T9: Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/7/2021 (Bút lục số 2125, 2126), T9 khai: “Đến khoảng hơn 12 giờ đêm 07 người chúng tôi nảy sinh ý định thuê nhà nghỉ để cùng nhau sử dụng ma túy...tôi dự định sau khi sử dụng xong thì sẽ góp cho Đ số tiền là 500.000đồng cho việc sử dụng ma túy nhưng bị bắt quả tang nên chưa đưa tiền”. Tại bản tự khai ngày 12/01/2022 (Bút lục 2135), T9 khai: “... Nhóm tôi có hứa góp tiền cho Đ là khi sử dụng ma túy xong. Nhưng khi Công an vào bắt thì đến hôm nay chưa đưa lại tiền cho Đ và Đ cũng không nói gì, kêu chúng tôi đưa tiền lại”.

Anh Nguyễn Đức H8: Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/7/2021 (Bút lục số 2163, 2164) H8 khai: “Đến khoảng 00 giờ ngày 09/7/2021 nhóm chúng tôi thống nhất với nhau đi đến nhà nghỉ P3 để thuê phòng và sử dụng ma túy....chúng tôi thống nhất tiền mua ma túy sẽ góp lại để trả lại cho Đ vào ngày hôm sau”. Tại biên bản ghi lời khai ngày 15/01/2022 (Bút lục số 2167, 2168), H8 khai: “Ma túy chúng tôi sử dụng là Đ mua...Chúng tôi có hứa góp tiền sau khi sử dụng ma túy xong nhưng sau khi Công an bắt không đưa tiền lại”. Tại

bản tự khai ngày 09/7/2021 (Bút lục 2171), H8 khai: “Đ là người mua ma túy cho nhóm chúng tôi sử dụng và chúng tôi thống nhất tiền mua ma túy sẽ trả lại cho Đ vào hôm sau”.

Anh Huỳnh Đức T8: Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/7/2021 (Bút lục số 2181, 2182) T8 khai: “Cả nhóm thống nhất cùng nhau đi bay tại nhà nghỉ P3 1 cả nhóm thống nhất ai có tiền thì góp cho Đ trước để mua ma túy cho cả nhóm sử dụng còn tiền phòng thì khi bay xong các bạn còn lại sẽ góp trả tiền phòng”. Tại bản tự khai ngày 09/7/2021 (Bút lục số 2190), T8 khai: “Cả nhóm thống nhất cùng nhau đi bay sử dụng ma túy dạng kẹo, khay tại nhà nghỉ P3, cả nhóm thống nhất ai có tiền thì góp cho Đ trước để mua ma túy cho cả nhóm sử dụng, còn tiền phòng thì chơi xong mai tính”.

Anh Ngô Duy Phước T10: Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/01/2022 (Bút lục số 2206, 2207) T10 khai: “Chúng tôi thống nhất sử dụng ma túy xong là sẽ góp tiền đưa lại nhưng do Công an bắt nên tôi không có đưa tiền lại”.

Lời khai ban đầu của các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Duy N, Nguyễn Quốc C1 phù hợp với lời khai ban đầu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Văn T9, Huỳnh Đức T8, Ngô Duy Phước T10, Nguyễn Đức H8. Theo đó, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Duy N, Nguyễn Quốc C1, Mai Văn T9, Huỳnh Đức T8, Ngô Duy Phước T10, Nguyễn Đức H8 đã thống nhất cùng nhau đến nhà nghỉ P3 1 để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy bằng việc góp tiền để mua ma túy và đặt phòng để sử dụng ma túy, rủ thêm nhiều người cùng sử dụng. Mặc dù, Mai Văn T9, Huỳnh Đức T8, Ngô Duy Phước T10, Nguyễn Đức H8 chưa góp tiền đưa cho Đ để Đ mua ma túy nhưng ý thức của T9, T8, T10, H8 đều thống nhất về việc góp tiền mua ma túy, tìm địa điểm và rủ thêm nhiều người cùng sử dụng ma túy và hứa sẽ góp tiền sau khi sử dụng ma túy xong, việc T9, T8, T10, H8 không góp được tiền cho Đ là do bị lực lượng Công an bắt quả tang.

Sau đó, các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Duy N, Nguyễn Quốc C1 đồng loạt thay đổi lời khai với nội dung không biết vì sao những người khác cùng đi đến nhà nghỉ P3 sử dụng ma túy. Cụ thể:

Tại biên bản hỏi cung ngày 10/10/2022 bị cáo Đ khai: “...Tôi không rủ V5, T10, H8, T9 đi sử dụng ma túy, tôi cũng không biết vì sao họ đến cùng chúng tôi sử dụng ma túy.....Trong cuộc nhậu tôi chỉ rủ N và C1”

Tại biên bản hỏi cung ngày 17/10/2022, bị cáo N khai: “... những người khác tôi không biết vì sao họ cùng đến nhà nghỉ P3... tôi không biết ai rủ cả nhóm đến đến nhà nghỉ P3...”

Tại biên bản hỏi cung ngày 21/9/2022, bị cáo C1 khai “Chỉ có anh Đ nói miệng với tôi là lên Phúc Thiện 1 sử dụng ma túy chứ tôi không nghe ai nói...tôi không biết vì sao những người khác cùng đi đến P sử dụng ma túy...”.

Đồng thời, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ở phòng 603 gồm: Mai Văn T9, Huỳnh Đức T8, Ngô Duy Phước T10, Nguyễn Đức H8 cũng đồng loạt thay đổi lời khai với nội dung “Tại cuộc nhậu không ai bàn bạc về việc góp tiền mua ma túy”.

Tuy nhiên, việc đồng loạt thay đổi lời khai của Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Duy N, Nguyễn Quốc C1, Mai Văn T9, Huỳnh Đức T8, Ngô Duy Phước T10,

Nguyễn Đức H8 là không khách quan, không có căn cứ, mâu thuẫn với toàn bộ nội dung lời khai mà các bị cáo Đ, N, C1 và người liên quan T9, T8, T10, H8 đã khai ban đầu. Có dấu hiệu Mai Văn T9, Huỳnh Đức T8, Ngô Duy Phước T10, Nguyễn Đức H8 đồng phạm với các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Duy N, Nguyễn Quốc C1 về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

[3] Đối với hành vi của Nguyễn Thị Hà G, Trịnh Quỳnh N5:

Tại bản tự khai ngày 09/7/2021 (Bút lục số 2247) G khai: “Vào đêm ngày 08/7/2021 tôi đang ở nhà thì anh C1 là khách quen gọi điện cho tôi và nói tôi đi tiếp khách bay lắc tại nhà nghỉ P3 và tôi đồng ý, tôi có gọi thêm 03 nhân viên khác tên là: Như, K1, C ở huyện T cùng tôi đi tiếp bay”. Tại bản tự khai ngày 12/01/2022 (Bút lục số 2252) G khai: “C1 có nhờ tôi gọi thêm 03 bạn nữ khác, sau đó tôi gọi cho N5 cùng ra làm tiếp bay với tôi, Như có gọi thêm 02 bạn nữ khác là: V2, K1”.

Tại bản tự khai ngày 09/7/2021 (Bút lục số 2292) Như khai: “Vào khoảng 00h ngày 09/7/2021 bạn G có gọi hỏi tôi đi làm không tôi hỏi bạn làm ở đâu bạn nói là làm bay phòng. Sau đó tôi lại hỏi bạn là làm ở đâu thì bạn nói mấy anh đang kiếm phòng. Tôi trả lời đồng ý. Sau đó bạn nhắn tin lại là làm bên P. Tôi trả lời đồng ý và sau đó bạn G nói là chạy qua chỗ trọ đường Trần Quang D3 và tôi có rủ 02 người bạn chung phòng là: Đinh Trúc K1, Nguyễn Ngọc Phương V2 đi cùng”.

Nguyễn Thị Hà G, Trịnh Quỳnh N5 đã tiếp nhận ý chí của bị cáo Nguyễn Quốc C1 về việc rủ thêm người cùng đi phục vụ việc sử dụng trái phép chất ma túy ở phòng 603. Việc tiếp nhận ý chí của người tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy (Bị cáo C1) và thực hiện hành vi rủ thêm người đến sử dụng trái phép chất ma túy là một trong những hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của Nguyễn Thị Hà G, Trịnh Quỳnh N5 có dấu hiệu đồng phạm về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng Cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ.

[4] Đối với đối tượng Hà Kim T13 tiếp bay tại phòng 503 cũng là người gọi các nhân viên tiếp bay Đinh Thị G1, Nguyễn Thị Thu H10, Nguyễn Thị Kim T14. Đối tượng Nguyễn Thị Thu H10 là người “xào” ma túy “khay” trong đĩa sứ rồi kẻ thành đường nhỏ để cho những đối tượng khác tự lấy sử dụng, nhưng do chưa xác định thông tin, lai lịch của đối tượng T13, H10 nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh để xử lý sau. Hành vi của Hà Kim T13, Nguyễn Thị Thu H10 có dấu hiệu đồng phạm về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” nên Cơ quan điều tra cần tiếp tục điều tra làm rõ trong quá trình điều tra lại.

[5] Xét thấy có căn cứ cho rằng cấp sơ thẩm điều tra chưa đầy đủ đối với một số đối tượng trong vụ án mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Tuy nhiên, việc điều tra chưa đầy đủ đối với các đối tượng này liên quan đến hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” ở phòng 603 và phòng 503 đối với Mai Văn T9, Huỳnh Đức T8, Ngô Duy Phước T10, Nguyễn Đức H8, Nguyễn Thị Hà G, Trịnh Quỳnh N5, Hà Kim T13, Nguyễn Thị Thu H10 không liên quan đến hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” tại phòng 502 và hành vi “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” của bị cáo Võ Minh N3. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số:

1230/QĐ-VKS ngày 24/11/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 149/2023/HS-ST ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi về phần tội danh, áp dụng pháp luật và phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Duy N, Nguyễn Quốc C1 và các bị cáo Trương Triều V1, Phạm Văn Đ1, Lê Bá H6, Cao Bùi Thanh K (Các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy ở phòng 603 và phòng 503) để điều tra lại theo thủ tục chung.

[6] Tại phòng 501, các đối tượng đang liên lạc để mua ma túy nhưng chưa mua được ma túy thì bị lực lượng Công an bắt quả tang; các bị cáo chưa có hành vi gì để đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác. Địa điểm, các dụng cụ như loa, đèn, đĩa sứ là các dụng cụ sinh hoạt thông thường trong cuộc sống, không phải là dụng cụ để sử dụng ma túy. Các đối tượng ở phòng 501 ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội, không cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 14 Bộ luật hình sự nên cấp sơ thẩm không xem xét xử lý các đối tượng ở phòng 501 là có cơ sở. Vì vậy, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với các đối tượng ở phòng 501.

[7] Do hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm nên nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Duy N không được Hội đồng xét xử xem xét

[8] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi được chấp nhận một phần.

[9] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[10] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm số: 149/2023/HS-ST ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi về phần tội danh, áp dụng pháp luật và phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Duy N, Nguyễn Quốc C1, Trương Triều V1, Phạm Văn Đ1, Lê Bá H6, Cao Bùi Thanh K.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi để điều tra lại.

2. Giữ nguyên một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 149/2023/HS-ST ngày 25/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi về phần tội danh, áp dụng pháp luật và phần hình phạt đối với các bị cáo Võ Minh N3, Nguyễn Văn T4, Lê Thanh B, Trần Trung N4.

2.1 Áp dụng: Điểm b, d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Võ Minh N3 08 (T16) năm tù về tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù tại Bản án số 44/2022/HS-ST ngày 25/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”, buộc bị cáo Võ Minh N3 phải chấp hành hình phạt chung là 10 (Mười) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2021.

2.2 Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T4 07 (Bảy) năm 06 (S1) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/10/2023, được trừ thời gian tạm giam từ 26/6/2022 đến ngày 11/11/2022.

2.3 Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh B 07 (Bảy) năm 09 (C3) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù tại Bản án số 65/2023/HS-ST ngày 08/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về tội “Giết người”, buộc bị cáo Lê Thanh B phải chấp hành hình phạt chung là 11 (Mười một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/3/2022.

2.4 Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Trung N4 03 (Ba) năm 06 (S1) tháng tù về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/10/2023, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 26/6/2022 đến ngày 11/11/2022.

3. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, TAND thành phố Quảng Ngãi;
- Công an thành phố Quảng Ngãi;
- THADS thành phố Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Giang